

Số: 28/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy chế tổ chức tuyển dụng
công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 ngày 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh tại Tờ trình số 490/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2020 và thay thế Quyết định 16/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh về quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 36 của Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên

địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQP - Bộ Tư pháp;
- Vụ CQĐP, Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, NC (D50b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

QUY CHẾ

Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng thực hiện đối với người tham gia dự tuyển các chức danh công chức cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Chương II
TIÊU CHUẨN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**Điều 3. Tiêu chuẩn chung**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP)

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể

1. Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Quy chế này và các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

- a) Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
- b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức đối với phường, thị trấn; Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức đối với xã.

d) Trình độ tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã.

3.1. Các chuyên ngành tương ứng từng chức danh

a) Đối với chức danh công chức Văn phòng - Thống kê: Văn thư, lưu trữ, hành chính, quản lý nhà nước, quản lý nhân sự, văn phòng, luật, xã hội học, thống kê, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin (tin học), quản trị học, quản trị nhân sự, quản trị nguồn nhân lực, quản trị văn phòng, quản trị kinh doanh, các ngành liên quan tới Văn phòng - Thống kê theo chức danh công chức đảm nhiệm.

b) Đối với chức danh công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): Địa chính, trắc địa, quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch, quản lý đô thị, kiến trúc, giao thông, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, phát triển nông thôn, thủy lợi, các ngành chuyên môn liên quan tới chức danh công chức đảm nhiệm.

c) Đối với chức danh công chức Tài chính - Kế toán: Tài chính - Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán hoặc các chuyên ngành liên quan tới nghiệp vụ Tài chính - Kế toán, ngành kinh tế liên quan tới nghiệp vụ Tài chính - Kế toán.

d) Đối với chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch: Luật, Pháp lý hoặc các ngành liên quan tới chuyên môn Tư pháp - Hộ tịch.

đ) Đối với chức danh công chức Văn hóa - Xã hội: Văn hóa, Văn hóa - Thông tin, du lịch, báo chí, truyền thông, lịch sử, bảo tàng, triết học, Việt Nam học, lao động, xã hội học, tiền lương, bảo hiểm, công tác xã hội, chính sách xã hội, bảo trợ xã hội, hành chính, luật, sư phạm chuyên ngành xã hội.

g) Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: chuyên ngành quân sự cơ sở.

3.2. Căn cứ các chuyên ngành quy định tại điểm 3.1, khoản này, UBND các huyện, thành phố thống nhất với Sở Nội vụ chuyên ngành tuyển dụng của từng chức danh công chức cần tuyển dụng khi xây dựng Kế hoạch tuyển dụng đối với từng kỳ tuyển dụng.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thực hiện các chế độ, chính sách hoặc thực hiện tinh giản biên chế để trong thời hạn 05 năm tính từ ngày 25/12/2019, bảo đảm chuẩn hóa đội ngũ công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

MỤC 1. CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 5. Căn cứ, điều kiện đăng ký dự tuyển công chức

1. Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

2. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp (*không phân biệt hình thức đào tạo và loại hình đào tạo công lập, ngoài công lập*);
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển (Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển trong kế hoạch tuyển dụng (không trái quy định của pháp luật), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi tuyển dụng.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

4. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

Điều 6. Phương thức tuyển dụng

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thông kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội thực hiện việc tuyển dụng thông qua thi tuyển. Đối với các xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì có thể được tuyển dụng thông qua xét tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: Thực hiện việc xét

tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4, Điều 5 Quy chế này. Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

Điều 7. Ưu tiên trong tuyển dụng

Ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi chung là Nghị định số 34/2019/NĐ-CP*).

Điều 8. Thẩm quyền tuyển dụng

1. Chủ tịch UBND cấp xã

a) Hàng năm rà soát số biên chế cán bộ, công chức cấp xã được giao, biên chế đang sử dụng, số công chức đến tuổi nghỉ hưu và lập Kế hoạch nhu cầu tuyển dụng, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện;

b) Khi người trúng tuyển đến nhận việc, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm phân công, bố trí công việc theo đúng chức danh trúng tuyển.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của địa phương và định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn. Trong Kế hoạch tuyển dụng của huyện phải dành chỉ tiêu nhất định để tuyển dụng riêng đối tượng cử tuyển có trình độ, chuyên ngành phù hợp với nhu cầu của đợt tuyển dụng công chức cấp xã (*nếu trên địa bàn huyện có đối tượng cử tuyển phù hợp*).

b) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ;

c) Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, quyết định việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã. Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng thì Phòng Nội vụ cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ cấp huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã. Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

d) Quyết định tiếp nhận công chức không qua thi tuyển, xét tuyển.

3. Sở Nội vụ

a) Cho ý kiến thống nhất bằng văn bản về Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã của Chủ tịch UBND cấp huyện;

b) Giám sát, kiểm tra, thanh tra công tác tuyển dụng công chức cấp xã.

Điều 9. Hội đồng tuyển dụng công chức

1. Hội đồng tuyển dụng được thành lập theo Quyết định của Chủ tịch Ủy

10

ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ trong mỗi kỳ tuyển dụng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Không được bố trí thành viên Hội đồng là người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, anh, chị, em ruột (hoặc bên vợ, bên chồng) của người dự tuyển; Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng được phép sử dụng con dấu của ủy ban nhân dân cấp huyện. Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng được phép sử dụng con dấu của cơ quan đơn vị đối với các văn bản của Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

2. Việc thành lập, cách thức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

MỤC 2. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 10. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển; xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức

Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển; xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Điều 11. Nội dung xét tuyển; xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức

Nội dung xét tuyển; xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Điều 12. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; tổ chức tuyển dụng

1. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP.

2. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP.

Điều 13. Thông báo kết quả tuyển dụng và hồ sơ của người trúng tuyển, thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. Thông báo kết quả tuyển dụng và hồ sơ của người trúng tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. *10*

MỤC 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT TRONG TUYỂN DỤNG

Điều 14. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã; điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 34/2019NĐ-CP.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3. Ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này. Đối với trường hợp cán bộ cấp xã khi xem xét, tiếp nhận vào công chức cấp xã phải có trình độ từ Đại học trở lên, phù hợp với chức danh chuyên môn cần tuyển.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, xin ý kiến Sở Nội vụ bằng văn bản trước khi triển khai, thực hiện quy trình tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt.

Điều 15. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển và xét tuyển vào công chức cấp xã

Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển và xét tuyển vào công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng quy định tại Quy chế này.

Hàng năm rà soát, tổng hợp danh sách cán bộ, công chức chưa có chứng chỉ quản lý nhà nước, lý luận chính trị, tiếng dân tộc thiểu số (đối với địa bàn công tác phải sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong hoạt động công vụ) báo cáo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện Quy chế này và định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

